TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **175**/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 22/7/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đào Thị Mai Hương

2. Ông Trần Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 22/7/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 346/2023/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 12 năm 2023, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03/7/2024, giữa:

* Nguyên đơn: Chị Hà Thị H, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn Bản Mé, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La

* Bị đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn Mỹ Lộc, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Hiện anh Trần Văn D đang chấp hành án tại Trại giam Vĩnh Quang, tỉnh Vĩnh Phúc.

(Chị H và anh D đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hà Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn D đăng ký kết hôn vào ngày 10/8/2018 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Sơn La, việc đăng ký trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống cùng nhà anh D tại thôn Mỹ Lộc, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng

sống hạnh phúc, hòa thuận, đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đến nay mâu thuẫn đã rất trầm trọng, chị và anh D sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống, chị xác định vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn D.

Về con chung: Chị và anh D có 01 con chung là cháu Trần Ngọc L, sinh ngày 18/8/2018, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị và anh D không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu toà án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Trần Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hà Thị H đăng ký kết hôn vào ngày 10/8/2018 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Sơn La, việc đăng ký trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống cùng nhà anh tại thôn Mỹ Lộc, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh và Chị H sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống, do anh mải chơi nên anh đã phạm tội Cướp giật tài sản nên đang chấp hành án tại Trại giam Vĩnh Quang, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh xác định vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng nhau nên anh nhất trí ly hôn với Chị H, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y giải quyết cho anh và Chị H được ly hôn.

Về con chung: Anh và Chị H có 01 con chung như Chị H trình bày là đúng. Khi ly hôn nếu Chị H yêu cầu trực tiếp nuôi con, anh hoàn toàn nhất trí vì hiện nay anh không đủ điều kiện để nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi Chị H không yêu cầu nên anh không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh và Chị H không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Chị H và anh D đều có đơn từ chối hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà, Chị H, anh D giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Đề nghị HĐXX: chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của chị Hà Thị H, xử cho Chị H được ly hôn với anh Trần Văn D. Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc L, sinh ngày 18/8/2018 cho chị Hà Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung, Chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung nên anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh D đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét. Về án phí, quyền kháng cáo: đề nghị HĐXX tuyên chị Hà Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị H và anh D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/8/2018 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Sơn La, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: kết quả xác minh xác định bị đơn anh Trần Văn D có hộ khẩu thường trú tại xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

[3] Chị H, anh D có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị H, HĐXX nhận định:

[4.1] Đối với yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Văn D: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự xác định: Chị H và anh D kết hôn từ năm 2018. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống chung tại thôn Mỹ Lộc, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống vợ chồng anh chị hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do tính tình hai bên khong hợp nhau, luôn bất đồng về quan điểm, lối sống. Chị H và anh D đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng. Quá trình giải quyết vụ án, Chị H và anh D đều nhất trí ly hôn và yêu cầu của Tòa án không tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy cả Chị H và anh D không mong muốn hòa giải đoàn tụ. Chị H và anh D đã sống ly thân nhiều năm, không ai quan tâm đến ai.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa Chị H và anh D đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của Chị H là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Đối với yêu cầu được giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Chị H và anh D có 01 con chung là cháu Trần Ngọc L, sinh ngày 18/8/2018, hiện nay đang ở với Chị H. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, anh D nhất trí với yêu cầu của Chị H. Từ những căn cứ trên, HĐXX xét thấy yêu cầu được quyền nuôi con của Chị H là có căn cứ cần được chấp nhận. Do Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh D đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh D không phải nộp án phí.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị H về việc Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn đối với anh Trần Văn D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị H được ly hôn anh Trần Văn D (Giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 10/8/2018 của Ủy ban nhân xã C, huyện M, tỉnh sơn La).

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Ngọc L, sinh ngày 18/8/2018 cho chị Hà Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do Chị H không yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hà Thị H phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000000832307 ngày 07/12/2023 của Công ty Cổ phần thanh toán Quốc gia Việt Nam và theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001031 ngày 12/12/2023

của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Anh Trần Văn D không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã C, huyện M, tỉnh Sơn La (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Toàn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Huệ - Lộc Thị Kim Thơm Nguyễn Văn Toàn